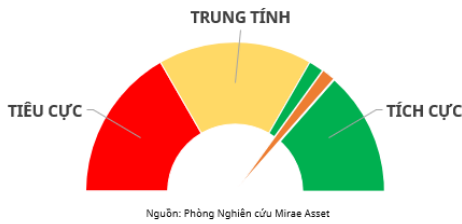


27 Tháng Mười Hai 2021

Thang đo sức mạnh thị trường



# Bản tin cuối ngày

## Việt Nam

### Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,488.88	0.80	-0.28	37.30
HNX	449.41	0.85	-2.01	133.51
UPCOM	110.37	0.15	-3.47	51.32
MSCI EM	1,220.55	0.08	-0.21	-2.63
NIKKEI	28,676.46	-0.37	-0.26	7.58
HANG SENG	23,223.76	0.13	-3.56	-11.99
KOSPI	2,999.55	-0.43	2.15	6.86
FTSE	7,372.10	-0.02	4.66	13.38
S&P 500	4,725.79	0.62	0.52	27.62
NASDAQ	15,653.37	0.85	-1.21	22.25

### Nhận định thị trường

#### Áp sát mốc 1.500 điểm

Tiếp nối phiên hồi phục mạnh thứ 6 tuần trước, VN-Index mở phiên trong sắc xanh ngay đầu phiên. Dẫn cho thị trường xoay chiều giảm điểm nhẹ cuối phiên sáng, tuy nhiên đà tăng nhanh chóng quay trở lại vào phiên chiều với sự trợ lực từ nhóm Bất động sản, Bán lẻ, Xây dựng. Kết thúc phiên, VN-Index dừng tại 1.488,9 điểm, tăng 11,8 điểm, tương ứng 0,8% so với phiên giao dịch ngày hôm trước, thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 22.084 tỷ đồng, HNX: 2.682 tỷ đồng, UPCOM: 2.056 tỷ đồng.

### Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.64	2.80	15.87
SET INDEX	14.90	1.77	7.77
JCI INDEX	25.19	2.20	7.76
PCOMP INDEX	23.89	1.78	7.69

Tiếp tục là phiên tăng điểm của thị trường với sự hỗ trợ của nhóm Bất động sản, Bán lẻ, Xây dựng. Nhóm Bán lẻ gây chú ý nhất với FRT, PET hay DGW đều tăng mạnh từ 4%-7%. Xây dựng tiếp tục là tâm điểm với CII tăng trần (+6,9%) hay CTD (+3,2%), DPG (+3,1%) đều vượt trội thị trường. Trong khi đó, nhóm Bất động sản nổi bật với CEO (+10%), DIG (+7,0%), KDH (+3,9%), NLG (+2,6%).

### Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	0.85	0	6	-9
10 năm	2.10	-1	0	-25

Khối ngoại hôm mua ròng nhẹ hơn 140 tỷ, CTG được mua ròng mạnh nhất với 113 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại CEO tiếp tục bị bán ròng mạnh hơn 310 tỷ đồng.

### Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,850	0.28	-0.72	1.21
US\$/KRW	1,187	-0.03	0.52	-7.60
US\$/JPY	115	-0.21	-0.95	-9.43
US\$/EUR	0.88	0.06	-0.18	7.96
US\$/GBP	0.75	-0.15	-0.71	0.35
US\$/SGD	1.36	0.13	0.84	-2.01

Phiên giao dịch tăng điểm tốt và các điểm số của VN-Index được cải thiện. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đang ở mức +5, thể hiện trạng thái KHẢ QUAN trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 17,6x.

### Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,046	1,145	866
HNX	128	148	126
UPCOM	78	86	65

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-6	TIÊU CỰC
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	6	KHẢ QUAN
Dow Jones	5	KHẢ QUAN

### Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

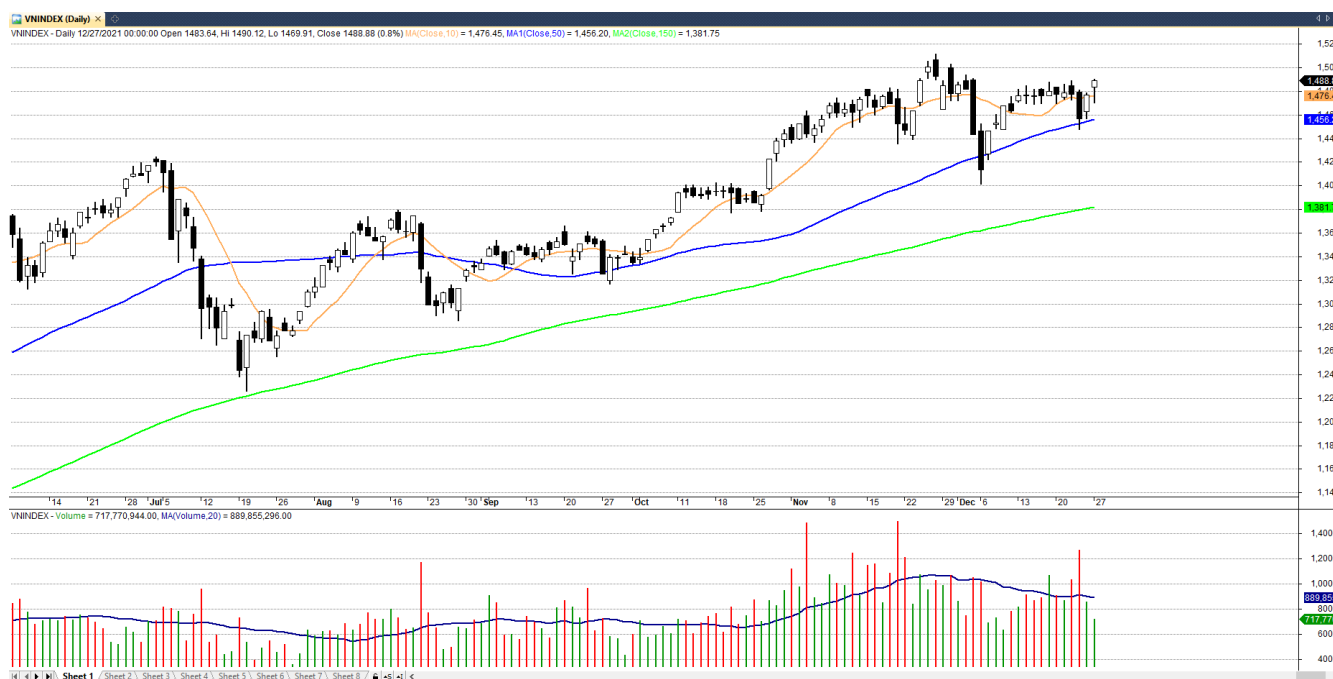
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30	0	<b>TRUNG TÍNH</b>
VN30F1M	2	<b>TRUNG TÍNH</b>
VN DIAMOND	0	<b>TRUNG TÍNH</b>
VN FIN SELECT	1	<b>TRUNG TÍNH</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (27/12/2021)	1.488,9	Kháng cự 1 <b>1.500</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2 <b>1.580</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 1 <b>1.480</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 <b>1.400</b>

VN-Index đã bứt qua khỏi ngưỡng kháng cự 1.480 trong phiên hôm nay, chỉ báo tích cực trong ngắn hạn.

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (27 /12/2021)	1.516	Kháng cự 1	<b>1.580</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>TRUNG TÍNH</b>	Kháng cự 2	<b>1.630</b>
VN30 - đóng cửa	1.514	Hỗ trợ 1	<b>1.500</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>+1,5</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.480</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	<b>+4</b>	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>
VN30F1M (chart ngày)	<b>+2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>

VN30F1M vẫn giao dịch trong biên độ hẹp trong ngày khi spread chỉ là 17 điểm. Các điểm số giao dịch đã chuyển sang TRUNG TÍNH và KHẢ QUAN.

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
FRT	Bán lẻ	98,000	1,413,305	<b>80</b>	7	<b>Top sức mạnh ngành</b>
PET	Bán lẻ	37,000	1,695,195	<b>97</b>	7	<b>Top sức mạnh ngành</b>
KDH	Bất động sản	53,000	2,122,165	<b>94</b>	7	
TV2	Điện	71,700	252,265	<b>100</b>	7	<b>Top sức mạnh ngành</b>
TPB	Ngân hàng	40,750	5,347,560	<b>93</b>	7	
HBC	Xây dựng	28,700	9,529,785	<b>82</b>	7	<b>Top sức mạnh ngành</b>
VCG	Xây dựng	54,000	10,920,86	<b>86</b>	7	<b>Top sức mạnh ngành</b>

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

### ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
VCG	54	10,920,865	7	<b>KHẢ QUAN</b>	23,852	41.6	3.6	590
HBC	28.7	9,529,785	7	<b>KHẢ QUAN</b>	6,957	68.6	1.9	274
HNG	13.4	17,568,336	7	<b>KHẢ QUAN</b>	14,855	263.8	2.2	235
TPB	40.75	5,347,560	7	<b>KHẢ QUAN</b>	64,457	12.4	2.6	218
BSR	23.3	8,416,595	7	<b>KHẢ QUAN</b>	72,242	#N/A N/A	2.3	196
AAA	21.9	8,092,835	7	<b>KHẢ QUAN</b>	7,149	20.8	1.5	177
PVD	29.65	5,571,890	7	<b>KHẢ QUAN</b>	12,486	327.1	0.9	165
FRT	98	1,413,305	7	<b>KHẢ QUAN</b>	7,740	67.7	5.8	139
KDH	53	2,122,165	7	<b>KHẢ QUAN</b>	34,076	28.6	3.5	112
SBT	24.9	4,061,275	7	<b>KHẢ QUAN</b>	15,666	23.4	1.9	101
CTD	99.8	899,500	7	<b>KHẢ QUAN</b>	7,371	137.2	0.9	90
VCB	79.8	1,117,425	7	<b>KHẢ QUAN</b>	377,656	17.9	3.5	89
PVS	26.6	5,707,130	6	<b>KHẢ QUAN</b>	12,714	22.4	1.0	152
VJC	125	766,255	6	<b>KHẢ QUAN</b>	67,701	55.1	4.0	96
KBC	61	9,855,375	5	<b>KHẢ QUAN</b>	34,755	35.8	2.2	601
TCH	29.55	15,676,130	5	<b>KHẢ QUAN</b>	18,283	22.6	1.9	463
HHV	27.1	10,933,530	5	<b>KHẢ QUAN</b>	7,246	46.4	1.2	296
TTF	14	9,145,480	5	<b>KHẢ QUAN</b>	4,357	#N/A N/A	#N/A N/A	128
DLG	10.05	12,193,050	5	<b>KHẢ QUAN</b>	3,008	#N/A N/A	1.4	123
MSN	169	3,125,910	4	<b>KHẢ QUAN</b>	199,510	83.2	9.3	528
FLC	18.3	24,343,500	4	<b>KHẢ QUAN</b>	12,993	8.5	1.4	445
CII	41.7	10,544,400	4	<b>KHẢ QUAN</b>	9,965	3,521.5	2.1	440
LDG	21.05	14,976,535	4	<b>KHẢ QUAN</b>	5,040	165.7	1.6	315
VRE	31.3	7,962,890	4	<b>KHẢ QUAN</b>	71,124	32.8	2.3	249
GVR	38.6	3,106,770	4	<b>KHẢ QUAN</b>	154,400	31.0	3.1	120
ASM	22.55	4,228,275	4	<b>KHẢ QUAN</b>	5,837	10.2	1.2	95
SAM	27	2,986,440	4	<b>KHẢ QUAN</b>	9,450	79.1	2.5	81
HHS	12	6,447,500	4	<b>KHẢ QUAN</b>	3,857	21.6	1.0	77
ROS	13.25	40,310,996	3	<b>TRUNG TÍNH</b>	7,521	41.1	1.2	534

CTG	33.4	7,778,220	3	TRUNG TÍNH	160,512	9.7	1.7	260
DIG	96.3	6,104,670	2	TRUNG TÍNH	48,139	54.8	8.1	588
VHM	82.8	6,991,445	2	TRUNG TÍNH	360,542	10.0	4.1	579
HAG	14.5	34,792,584	2	TRUNG TÍNH	13,447	#N/A N/A	2.7	504
CEO	63.8	7,241,990	2	TRUNG TÍNH	16,418	#N/A N/A	5.9	462
DPM	52.6	5,399,360	2	TRUNG TÍNH	20,584	13.1	2.3	284
HSG	35.25	6,537,970	2	TRUNG TÍNH	17,395	4.0	1.6	230
IJC	32.05	4,971,625	2	TRUNG TÍNH	6,958	9.4	2.1	159
VNM	86.1	1,804,200	2	TRUNG TÍNH	179,945	19.1	5.8	155
LPB	21.55	7,156,485	2	TRUNG TÍNH	25,937	9.4	1.6	154
FIT	15.5	8,870,385	2	TRUNG TÍNH	4,072	26.9	1.2	137
MWG	134.9	845,935	2	TRUNG TÍNH	96,161	22.0	5.1	114
ACB	33.15	3,424,140	2	TRUNG TÍNH	89,570	9.2	2.1	114
SZC	64.8	1,457,410	2	TRUNG TÍNH	6,480	25.2	4.6	94
GAS	95.9	886,200	2	TRUNG TÍNH	183,548	22.4	3.7	85
NBB	48	1,520,875	2	TRUNG TÍNH	4,808	10.8	2.5	73
PLX	54.1	1,340,690	2	TRUNG TÍNH	68,739	20.4	2.8	73
KSB	41.7	1,693,740	2	TRUNG TÍNH	3,056	12.1	1.8	71
HQC	9.18	26,322,160	1	TRUNG TÍNH	4,375	1,038.9	1.0	242
HPG	45.9	18,413,936	0	TRUNG TÍNH	205,307	6.5	2.4	845
GEX	39	14,661,720	0	TRUNG TÍNH	33,208	24.6	2.8	572
FCN	29.4	7,975,785	0	TRUNG TÍNH	3,688	31.4	1.6	234
VGT	27.7	5,374,925	0	TRUNG TÍNH	13,850	48.6	2.2	149
KLF	8.5	11,072,180	0	TRUNG TÍNH	1,405	989.4	0.8	94
TNG	33.8	2,434,675	0	TRUNG TÍNH	3,133	14.6	2.2	82
DPG	73.7	1,051,410	0	TRUNG TÍNH	4,643	12.3	3.7	77
AMD	8.47	8,689,430	0	TRUNG TÍNH	1,385	51.7	0.8	74
HAI	8.4	7,944,125	0	TRUNG TÍNH	1,535	112.0	0.8	67
VPB	34.35	18,253,996	-2	TRUNG TÍNH	152,702	12.4	2.5	627
POW	18.45	31,745,074	-2	TRUNG TÍNH	43,208	14.9	1.4	586
VND	80	6,766,260	-2	TRUNG TÍNH	34,796	15.8	4.0	541
TCB	48.85	10,009,630	-2	TRUNG TÍNH	171,508	9.8	2.0	489
ITA	17.85	24,201,370	-2	TRUNG TÍNH	16,749	101.5	1.5	432
DXG	35.2	11,899,870	-2	TRUNG TÍNH	20,980	27.1	2.5	419
STB	28.3	14,640,745	-2	TRUNG TÍNH	52,975	15.0	1.6	414
SHS	48.4	8,467,735	-2	TRUNG TÍNH	15,743	11.9	3.4	410
NLG	62.3	6,488,145	-2	TRUNG TÍNH	23,857	14.4	2.7	404
NVL	89	4,211,975	-2	TRUNG TÍNH	171,808	49.1	5.0	375
VIC	99	3,383,965	-2	TRUNG TÍNH	376,716	79.3	3.7	335
SCR	22.1	12,263,400	-2	TRUNG TÍNH	8,096	28.7	1.7	271
SHB	21.5	11,260,770	-2	TRUNG TÍNH	57,338	11.7	1.8	242
MBB	28.15	8,536,720	-2	TRUNG TÍNH	106,360	9.6	1.9	240
VIX	31.4	7,454,485	-2	TRUNG TÍNH	8,622	9.5	2.9	234
VCI	71.6	3,111,870	-2	TRUNG TÍNH	23,843	17.2	3.8	223
NKG	36.8	5,023,335	-2	TRUNG TÍNH	8,037	3.9	1.5	185
HDB	28.75	5,799,535	-2	TRUNG TÍNH	57,276	10.2	2.1	167
APS	35	3,049,865	-2	TRUNG TÍNH	2,905	8.2	3.0	107
VIB	43.2	2,441,175	-2	TRUNG TÍNH	67,096	12.0	3.0	105

NTL	42.35	2,057,200	-2	TRUNG TÍNH	2,583	8.7	2.1	87
ORS	24.95	3,239,120	-2	TRUNG TÍNH	4,990	#N/A N/A	2.3	81
TSC	14.5	4,986,250	-2	TRUNG TÍNH	2,141	19.0	1.3	72
HDG	64.9	1,079,500	-2	TRUNG TÍNH	12,744	16.1	3.3	70
G36	23.4	2,867,420	-2	TRUNG TÍNH	2,381	41.2	2.3	67
DCM	36.9	6,847,970	-3	TRUNG TÍNH	19,535	21.7	2.9	253
IDC	71.8	3,591,420	-4	TIÊU CỰC	21,540	39.6	5.3	258
HCM	43.9	4,648,425	-4	TIÊU CỰC	20,072	16.6	3.4	204
LCG	22.85	7,643,260	-4	TIÊU CỰC	3,939	11.3	1.8	175
PAN	37.5	4,630,745	-4	TIÊU CỰC	7,834	36.9	2.1	174
FPT	94.5	1,340,340	-4	TIÊU CỰC	85,756	21.3	5.0	127
PC1	39.7	1,946,255	-4	TIÊU CỰC	9,336	14.2	2.0	77
HAH	69.1	979,405	-4	TIÊU CỰC	3,371	11.9	2.6	68
SSI	49.15	19,082,700	-6	TIÊU CỰC	48,282	22.6	3.6	938
PDR	94.6	4,498,395	-6	TIÊU CỰC	46,616	29.2	7.4	426
DGC	161.8	1,429,315	-6	TIÊU CỰC	27,681	22.3	5.6	231
DBC	70.7	1,724,525	-6	TIÊU CỰC	8,147	8.3	1.7	122
GMD	45.8	1,665,900	-6	TIÊU CỰC	13,803	31.7	2.3	76
SBS	17	4,243,755	-6	TIÊU CỰC	2,153	1,874.3	10.4	72
HT1	22.1	3,040,715	-6	TIÊU CỰC	8,432	18.2	1.5	67
KDC	54.6	2,422,520	-7	TIÊU CỰC	13,739	26.8	2.3	132
VGC	53.3	2,436,185	-7	TIÊU CỰC	23,897	25.1	3.6	130
BCG	23.3	4,212,720	-7	TIÊU CỰC	10,399	8.2	2.5	98

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### **Mỹ: Doanh số bán hàng dịp lễ tăng cao nhất 17 năm bất chấp Covid-19**

Theo giới quan sát, tuy biến thể Omicron của virus gây dịch Covid-19 đang ảnh hưởng lớn tới kỳ nghỉ của hàng chục nghìn khách du lịch Mỹ, nó lại không tác động nhiều đến hoạt động mua sắm của người tiêu dùng nước này trong kỳ nghỉ Giáng sinh. Các hãng hàng không Mỹ đã hủy hàng ngàn chuyến bay trong đợt nghỉ lễ dài (bắt đầu từ 24-27/12) do thiếu hụt nhân lực vì các lý do liên quan đến dịch Covid-19. Giới quan sát dự báo tình trạng đáng lo ngại này của ngành hàng không Mỹ sẽ còn kéo dài tới sau Giáng sinh. Hiện, không có dấu hiệu rõ ràng cho thấy khi nào lịch trình bay sẽ bình thường trở lại. Tuy nhiên, người tiêu dùng Mỹ tỏ ra không chùn bước trước biến thể Omicron. Báo cáo theo dõi hoạt động thanh toán Mastercard SpendPulse công bố hôm 26/12 cho thấy doanh số bán hàng trong mùa mua sắm nghỉ lễ tại Mỹ (tính từ ngày 1/11 đến 24/12) đã tăng 8,5% so với cùng kỳ một năm trước đó, đánh dấu mức tăng hàng năm lớn nhất trong 17 năm. So với kỳ nghỉ lễ năm 2019 - thời điểm trước khi đại dịch bùng phát, doanh số bán hàng của năm nay đã tăng 10,7%. Kết quả ấn tượng trên được thúc đẩy chủ yếu bởi nhu cầu mua quần áo và đồ trang sức của người Mỹ. Cụ thể trong giai đoạn trên, doanh số bán quần áo tăng 47%, trang sức tăng 32% và đồ điện tử tăng 16%. Doanh số bán hàng trực tuyến đã tăng 11% so với cùng kỳ năm trước và 61% so với cùng kỳ năm 2019. Các cửa hàng bách hóa cũng báo cáo mức tăng doanh số 21% so với cùng giai đoạn năm 2020. Bức tranh rộng lớn hơn sẽ được đưa ra vào tháng tới, khi Liên đoàn bán lẻ quốc gia Mỹ (NRF) công bố kết quả số liệu bán hàng tháng 11-12 vào giữa tháng 1/2022.

### **HHV: HoSE chấp thuận niêm yết 267,3 triệu cổ phiếu HHV**

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) đã chấp thuận niêm yết 267,4 triệu cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (UPCoM: HHV) vào ngày 23/12. Sau 7 tháng nộp hồ sơ, Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả đã được HoSE chấp thuận cho niêm yết cổ phiếu. Chứng khoán HHV đang được giao dịch trên UPCoM tại vùng giá 27.100 đồng/cp, tăng 54% trong vòng 6 tháng qua. Bên cạnh kế hoạch chuyển sàn, Đèo Cả còn có phương án chào bán 267,3 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 1:1 cho cổ đông hiện hữu. Vốn điều lệ dự kiến gấp đôi lên 5.348 tỷ đồng. Giá chào bán ủy quyền cho HĐQT quyết định và không thấp hơn mệnh giá.

### **ACC: chốt quyền thực hiện chào bán tỷ lệ 1:2,5, giá 10.000 đồng/cp**

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (Becamex ACC, HoSE: ACC) thông báo ngày 7/1/2022 đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm giá 10.000 đồng/cp. Công ty sẽ phát hành 75 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 1:2,5. Qua đó, vốn điều lệ dự kiến tăng từ 300 tỷ đồng lên 1.050 tỷ đồng. Số tiền huy động được 750 tỷ đồng dùng để trả nợ ngân hàng và thực hiện dự án nhà ở tại thị xã Bến Cát tỉnh Bình Dương theo hợp đồng hợp tác với Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp (Becamex, HoSE: BCM).

### **MSN: lấy ý kiến thưởng cổ phiếu tỷ lệ 20% và giảm room ngoại xuống 49%**

Theo tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Masan Group (HoSE: MSN) trình phương án phát hành tối đa 236,1 triệu cổ phiếu để thưởng từ thặng dư vốn cổ phần, tỷ lệ 20%. Sau phát hành, vốn điều lệ Masan Group sẽ tăng lên 14.166 tỷ đồng. Vào đầu tháng 12, tập đoàn thông báo tăng cổ tức tiền mặt 2021 từ 10% lên 12%. Đơn vị đã tạm ứng 9,5% trong tháng 7 và dự kiến phần còn lại thanh toán cuối tháng 12 (ngày giao dịch không hưởng quyền là 15/12). Công ty cho biết việc tăng cổ tức và phát hành cổ phiếu thưởng là một phần trong kế hoạch của ban lãnh đạo nhằm thưởng và gia tăng giá trị cho cổ đông, đồng thời hướng đến hoàn thành mục tiêu trung hạn của bảng cân đối kế toán. Cùng với đó, HĐQT trình cổ đông thông qua việc điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa từ 100% xuống 49%. Trong khi, doanh nghiệp vừa được UBCKNN chấp thuận tăng tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài lên 100% vào tháng 5.

**DHA: sắp tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 tỷ lệ 30%**

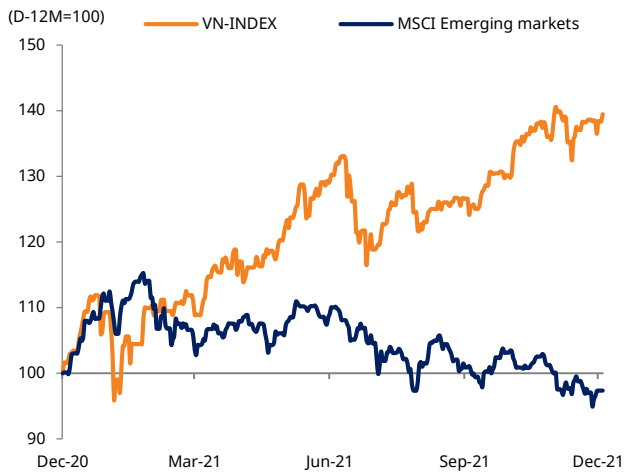
CTCP Hóa An (HoSE: DHA) thông báo chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền với tỷ lệ 30% (1 cổ phiếu được nhận 3.000 đồng). Với 14,7 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi trong đợt này là 44 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng là 11/1/2022 và thời gian thanh toán dự kiến ngày 21/1/2022.

**GDT: chốt quyền phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 10%**

HĐQT Gỗ Đức Thành (HoSE: GDT) thông qua 11/1/2022 là ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 10%. Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận về 10 cổ phiếu mới. Với 17,7 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp kiến phát hành 1,77 triệu cổ phiếu mới. Nguồn vốn phát hành lấy từ quỹ đầu tư phát triển. Giữa tháng 12, doanh nghiệp cũng tổ chức lấy ý kiến cổ đông thông qua phát hành 843.390 cổ phiếu riêng lẻ cho 99 nhà đầu tư chiến lược, là nhà cung cấp và các nơi có quan hệ mật thiết với Gỗ Đức Thành. Đồng thời công ty cũng điều chỉnh chỉ tiêu tổng doanh thu năm nay từ 460 tỷ đồng về 327 tỷ đồng, giảm 29%; lợi nhuận sau thuế từ 86,4 tỷ đồng xuống 51,7 tỷ đồng, giảm 40%. Kế hoạch kinh doanh cũ kỳ vọng năm 2021 tăng trưởng 15% về doanh thu và 8% về lợi nhuận so với năm trước. Song kế hoạch mới thì giảm 18,7% về doanh thu và giảm 35% về lợi nhuận.

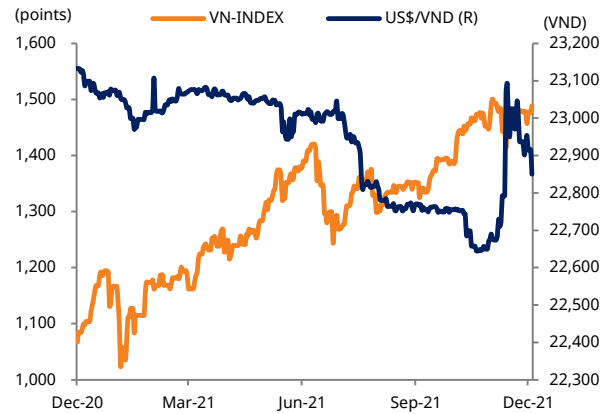


**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



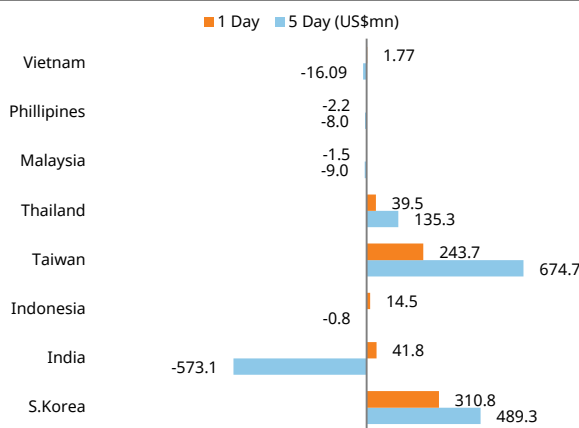
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



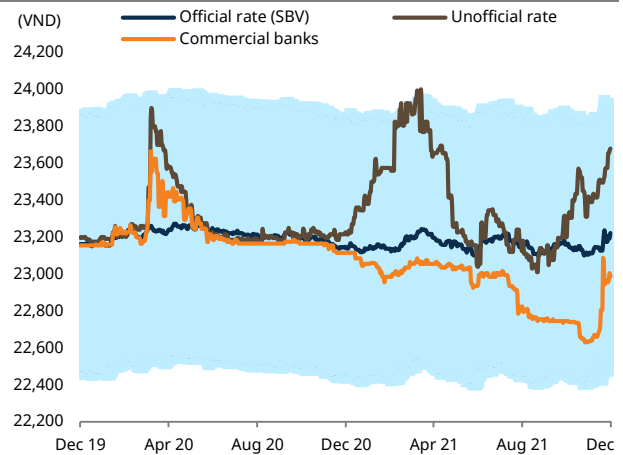
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



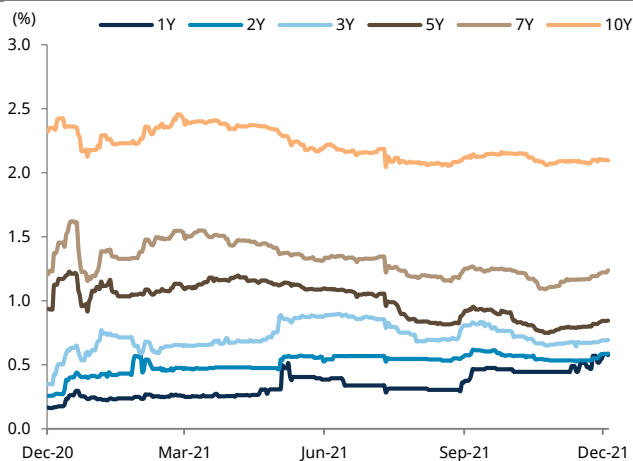
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



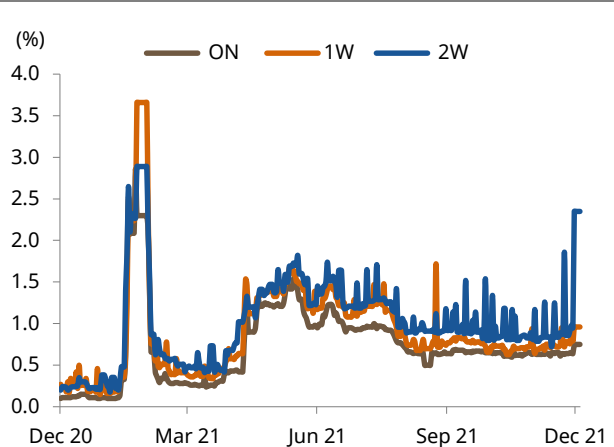
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,514.55</b>	<b>3,937,183</b>		<b>0.5</b>	<b>0.1</b>	<b>-3.3</b>	<b>44.0</b>	<b>14.6</b>	<b>12.3</b>	<b>2.6</b>	<b>2.2</b>	<b>34.5</b>	<b>19.4</b>	<b>22.8</b>	<b>20.3</b>
Asia Commercial Bank	ACB VN	33,150	89,570	30.0	0.5	0.2	-4.2	48.3	9.3	7.2	2.0	1.6	27.0	28.4	23.9	24.2
BIDV	BID VN	35,300	178,566	16.7	0.9	-0.5	-2.3	-4.7	19.4	14.7	2.1	1.9	57.9	32.4	13.2	15.5
Bao Viet Holdings	BVH VN	56,100	41,644	26.4	0.2	-0.9	-9.8	-9.4	22.6	19.0	1.9	1.8	15.6	19.0	9.1	10.1
VietinBank	CTG VN	33,400	160,512	25.5	1.5	2.9	-2.6	24.2	12.3	8.9	1.7	1.4	-4.6	38.4	16.3	19.6
FPT Corp	FPT VN	94,500	85,756	49.0	0.7	-1.4	-4.4	88.7	20.5	16.7	4.4	4.0	29.1	22.2	24.0	25.3
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	95,900	183,548	2.7	0.2	-0.8	-6.0	13.9	18.9	15.5	3.7	3.3	25.8	21.6	19.7	22.3
Vietnam Rubber Group	GVR VN	38,600	154,400	0.5	-1.2	2.7	4.5	32.6	33.7	30.6	NA	NA	125.3	10.2	9.4	9.9
HDBank	HDB VN	28,750	57,276	17.0	0.2	-2.9	-8.3	49.7	10.0	9.0	1.9	1.6	36.9	11.3	20.9	19.9
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	45,900	205,307	23.8	-0.3	-2.1	-6.4	52.1	5.6	6.5	2.1	1.6	188.7	-14.9	45.3	29.6
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	53,000	34,076	32.0	3.9	6.0	14.3	104.9	31.0	22.9	3.5	3.2	-8.6	35.3	13.5	15.7
MBBank	MBB VN	28,150	106,360	23.2	0.0	0.9	-7.1	66.0	8.9	7.4	1.7	1.4	44.6	19.5	21.7	21.7
Masan Group Corp	MSN VN	169,000	199,510	31.9	-1.2	4.3	7.3	104.8	43.2	30.7	9.1	7.1	28,541.6	40.7	31.6	23.1
Mobile World Investment Corp	MWG VN	134,900	96,161	49.0	0.2	1.4	-4.7	70.8	20.9	15.2	4.8	3.8	11.7	38.0	26.6	28.3
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	89,000	171,808	7.7	0.1	1.1	5.3	140.6	41.6	30.3	5.6	5.0	-523.3	37.4	13.8	13.9
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	94,600	46,616	3.1	0.1	-0.9	-1.3	137.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	54,100	68,739	17.1	2.1	2.1	-4.8	1.9	25.0	17.3	3.0	3.0	240.4	44.6	14.7	16.3
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	96,000	21,827	47.1	1.4	1.9	-5.4	23.6	23.4	16.1	3.9	3.3	-5.0	45.9	18.4	22.9
PetroVietnam Power Corp	POW VN	18,450	43,208	2.8	7.0	1.1	36.2	50.0	23.8	18.8	1.4	1.3	-22.3	27.0	7.3	7.7
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	147,900	94,845	62.5	0.6	-0.7	-7.7	-25.3	27.2	21.9	4.2	3.7	-23.8	24.2	17.6	19.4
SSI Securities Corp	SSI VN	49,150	48,282	38.4	0.2	-8.1	-8.1	145.6	21.5	23.5	NA	NA	76.6	-8.4	17.7	13.7
Sacombank	STB VN	28,100	52,975	17.4	-0.4	-1.9	-8.9	65.8	17.1	12.8	1.5	1.4	37.1	33.2	10.0	11.4
Techcombank	TCB VN	48,850	171,508	22.5	-0.1	-1.3	-9.5	65.3	9.9	8.4	1.9	1.5	40.1	18.8	21.0	20.0
Tien Phong Bank	TPB VN	40,750	64,457	29.3	3.8	2.4	15.8	102.6	13.6	11.1	2.5	2.0	18.9	22.2	21.2	20.2
Vietcombank	VCB VN	79,800	377,656	23.6	1.7	2.3	-3.0	4.3	19.2	16.0	3.3	2.5	18.7	20.1	20.5	20.4
Vinhomes JSC	VHM VN	82,800	360,542	23.3	-0.1	-0.8	-0.6	22.9	9.9	8.9	2.9	2.3	145.0	11.4	31.5	27.5
Vingroup JSC	VIC VN	99,000	376,716	13.7	2.6	0.0	0.5	5.2	102.2	71.9	4.1	3.9	-120.2	42.1	4.2	5.7
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	125,000	67,701	16.4	0.8	2.4	-3.5	-0.7	NA	54.4	NA	NA	942.8	-117.8	1.0	10.1
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	86,100	179,945	54.6	0.1	0.5	-2.5	-21.0	17.8	16.9	5.4	5.1	1.2	5.5	33.3	33.8
VPBank	VPB VN	34,350	152,702	15.2	0.3	0.6	-12.4	90.2	12.1	10.1	1.8	1.6	20.2	19.2	18.0	16.1
Vincom Retail JSC	VRE VN	31,300	71,124	30.2	0.2	0.8	3.0	2.8	38.6	24.8	2.3	2.1	-22.5	55.2	6.1	9.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>11.85</b>	<b>5,754,061</b>	<b>0.8</b>	<b>0.8</b>	<b>-0.3</b>	<b>37.3</b>	<b>17.6</b>	<b>14.0</b>	<b>2.7</b>	<b>2.3</b>	<b>31.9</b>	<b>26.4</b>	<b>19.6</b>	<b>19.4</b>
Automobiles & Components	0.05	9,616	2.2	0.9	-3.0	46.8	7.2	5.9	1.3	1.2	20.5	22.3	10.4	11.3
Banks	5.05	1,745,119	1.1	3.5	-4.5	42.3	12.3	9.9	2.0	1.6	31.4	23.1	17.7	17.8
Capital Goods	2.22	340,859	2.7	1.9	18.7	152.5	13.1	10.8	0.5	0.4	27.1	34.0	7.8	8.3
Commercial & Professional Services	0.02	5,592	1.5	0.9	-0.6	23.6	11.5	7.9	NA	NA	-7.8	45.5	8.0	11.1
Consumer Durables & Apparel	0.14	50,118	1.2	1.2	-4.6	72.1	16.9	12.0	2.3	2.0	11.7	38.9	13.2	15.8
Consumer Services	-0.01	9,330	-0.1	-0.1	-2.2	30.0	NA	19.6	NA	NA	NA	NA	-8.6	2.6
Diversified Financials	0.26	186,938	0.6	-2.5	-4.7	192.8	9.4	6.4	NA	NA	80.8	-8.4	16.0	12.6
Energy	0.47	93,485	2.0	3.8	-1.8	24.3	42.9	16.9	2.5	2.4	NA	NA	12.2	14.0
Food, Beverage & Tobacco	-0.04	611,895	0.0	0.4	3.5	33.6	25.1	19.3	5.3	4.5	NA	11.4	23.7	21.2
Health Care Equipment & Services	-0.01	3,945	-0.6	-5.1	-2.4	22.2	8.9	11.7	NA	NA	40.4	-23.7	11.4	9.5
Household & Personal Products	0.00	1,639	0.8	-0.8	-2.7	-5.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Insurance	-0.04	55,781	-0.3	-1.3	-8.2	3.3	18.7	15.7	1.6	1.5	20.0	18.7	7.7	8.6
Materials	-0.94	550,434	-0.6	0.2	-1.7	71.1	14.8	13.6	1.4	1.1	NA	2.5	26.4	20.0
Media & Entertainment	0.01	1,734	2.9	2.1	18.0	-21.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Pharmaceuticals	-0.05	33,789	0.8	1.1	0.2	62.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Real Estate	3.33	1,367,315	-0.6	-4.4	7.1	19.3	12.7	11.0	2.2	2.0	5.6	14.4	11.4	11.7
Retailing	0.14	112,648	1.0	-1.5	5.1	56.7	40.4	29.0	2.9	2.6	0.2	23.7	13.0	12.7
Software & Services	0.18	93,108	0.5	0.5	2.4	80.1	21.3	16.2	4.5	3.7	60.7	36.7	23.7	25.2
Technology Hardware & Equipment	0.19	11,474	0.7	-0.4	-4.6	89.4	18.8	15.4	4.0	3.7	29.4	22.7	22.1	23.3
Telecommunication Services	-0.01	2,553	6.8	7.3	-3.5	237.6	21.4	15.6	7.1	5.1	95.3	36.8	29.7	29.3
Transportation	0.31	200,955	-2.1	-6.0	13.5	422.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Utilities	0.89	296,401	0.7	0.9	0.1	33.9	80.4	79.2	0.6	0.6	62.7	NA	-177.1	64.4

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	99,000	2.6	1,907,500	2.5
VCB VN	79,800	1.7	934,100	1.6
SSB VN	44,000	6.7	3,680,800	1.1
DIG VN	96,300	7.0	4,182,600	0.8
POW VN	18,450	7.0	32,864,200	0.7
EIB VN	33,350	6.9	1,430,000	0.7
CTG VN	33,400	1.5	8,106,900	0.6
TPB VN	40,750	3.8	9,038,200	0.6
GEX VN	39,000	5.7	12,225,500	0.5
BID VN	35,300	0.9	1,202,100	0.4

Nguồn: Bloomberg

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	169,000	-1.2	7,115,800	-0.6
GVR VN	38,600	-1.2	2,791,600	-0.5
DPM VN	52,600	-4.0	6,832,300	-0.2
VIB VN	43,200	-1.0	994,900	-0.2
HPG VN	45,900	-0.3	10,675,000	-0.2
BCM VN	65,000	-0.8	549,200	-0.1
VHM VN	82,800	-0.1	4,999,700	-0.1
DHG VN	115,600	-2.1	58,900	-0.1
DCM VN	36,900	-1.5	5,305,800	-0.1
HSG VN	35,250	-1.3	2,744,300	-0.1

### Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.